TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2025/DS-ST
Ngày: 26 - 8 - 2025
"V/v Tranh chấp chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Thanh Tùng.

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 152/2020/TLST-DS, ngày 29 tháng 7 năm 2020, về việc *"*tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2025, Thông báo tiếp tục phiên tòa số 02/TB.TA ngày 14 tháng 7 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 08/TB.TA ngày 05 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1950 (Có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà B ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Thạch Thị Huỳnh M, sinh năm 1991 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà C đường N, Khóm C, phường P, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Hồ Chí B – Là Luật sư thuộc Công ty L5 – chi nhánh S2; thuộc Đoàn luật sư thành phố H (Có

đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà C đường N, Khóm C, phường P, thành phố Cần Thơ.

* *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà D ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1963 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ.

- Ông Trịnh Văn L, sinh năm 1955 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà D ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ.

- Bà Lai Thị Bé O và ông Nguyễn Văn C (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ.

- Ông Trịnh Văn Đ1 và ông Trịnh Văn T (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ.

- Ông Võ Thành L1 và bà Nguyễn Thị L2 (Có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ.

- Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1943 (đã chết);

Địa chỉ: ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ.

** Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1963 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ.

- Ông Thái Văn K1 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ.

- Ông Thái Văn C2, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ.

- Bà Thái Thị Kim Q, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ.

- Bà Thái Thị Kim Q1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thái Thị Kim Q1 và Thái Thị Kim Q là: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1963 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2020, trong quá trình giải quyết vụ án*

người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Cha mẹ ông Nguyễn Văn Đ là ông Nguyễn Văn Đ2 (chết ngày 06/01/1982) và bà Lê Thị H1 (chết ngày 29/8/2005) có với nhau 6 người con gồm: Nguyễn Văn Đ3 (chết năm 1973, không có vợ con), Nguyễn Thị C1, Nguyễn Văn K2 (chết năm 1974, không có vợ con), Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn K (là con nuôi). Khi còn sống, ông Đ2 và bà H1 có tạo lập được tài sản là phần đất tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ).

Tại đơn khởi kiện, ông Đ yêu cầu chia di sản thừa kế là phần đất 820,1m², tại thửa đất số 711, tờ bản đồ số 03 cũ (nay là thửa số 03, tờ bản đồ số 27), tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ) theo quy định pháp luật và ông Đ xin nhận hiện vật, đồng ý thối giá trị cho hàng thừa kế khác. Đồng thời, tại đơn khởi kiện, ông Đ yêu cầu Tòa án chia kỷ phần thừa kế của cha mẹ ông thành 4 kỷ phần, trong đó có 3 kỷ phần là của anh, em ông và 1 kỷ phần cho ông Nguyễn Văn K do ông K có công chăm sóc, nuôi dưỡng ông Đ2 và bà H1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi xem xét, thẩm định tại chỗ thì phần đất tranh chấp tại vị trí thửa đất nêu trên có diện tích là 1.054m². Tại B1 ban lấy lời khai của ông Nguyễn Văn Đ cũng như trong quá trình giải quyết, người đại diện theo ủy quyền của ông Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó nguyên đơn không yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với căn nhà tình nghĩa, vì căn nhà này bà H đã sửa chữa xây dựng lại, mà chỉ yêu cầu Tòa án phân chia thừa kế đối với quyền sử dụng diện tích đất theo đo đạc thực tế là 1.054m² tại thửa đất nêu trên theo quy định pháp luật.

Ông Đ yêu cầu được chia bằng hiện vật, và đồng ý trả giá trị cho các đồng thừa kế khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/02/2025 và ngày 21/8/2025 ông Nguyễn Văn Đ thay đổi ý kiến, không yêu cầu chia thừa kế căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất của bà H1 để lại. Căn nhà này bà H đã sửa chữa lại căn nhà, ông Đ đồng ý cho bà H sử dụng căn nhà gắn liền với thửa đất.

Riêng thửa đất có mộ cha mẹ ông, ông Đ yêu cầu được tiếp tục quản lý thửa đất này.

** Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 20/9/2023 và yêu cầu phản tố bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn*

Thị H trình bày: Cha mẹ bà Nguyễn Thị H là ông Nguyễn Văn Đ2 (chết ngày 06/01/1982) và bà Lê Thị H1 (chết ngày 29/8/2005) có với nhau 5 người con gồm: Nguyễn Văn Đ3 (chết năm 1973, không có vợ con), Nguyễn Thị C1, Nguyễn Văn K2 (chết năm 1974, không có vợ con), Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Đ. Khi còn sống, ông Đ2 và bà H1 có tạo lập được tài sản là phần đất tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ). Đối với việc ông Đ cho rằng ông K là con nuôi của ông Đ2 và bà H1, bà H không đồng ý vì ông K là con của bà Nguyễn Thị C1 nên không liên quan gì đến tài sản ông Đ2 và bà H1 để lại.

Khi còn sống, ông Đ2 và bà H1 có tạo lập được nhiều phần đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị H1, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 900524 của hộ bà Lê Thị H1, sinh năm 1913 được UBND huyện V (nay là thị xã V) cấp ngày 04/5/1996, bà H1 được cấp tổng cộng là 7.895m² tại các thửa số 402, 412, 439, 455, 456 và 711 tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Các phần đất nêu trên một số thửa ông Đ đã bán cho người khác. Nếu ông Đ muốn chia thừa kế thì yêu cầu ông Đ về gặp bà H cùng chia toàn bộ đất của cha mẹ để lại vì ông Đ bán cũng chưa sang tên quyền sử dụng đất, đất đó hiện nay đều do bà H1 đứng tên.

Phần đất tại thửa đất số 711 tờ bản đồ số 03 bà H1 đã cho bà H và tại Bản án trước đây khi ông K khởi kiện, ông K thua kiện, Tòa án đã giao đất này cho bà H. Căn nhà trên thửa đất này là do bà H xây dựng trên nền nhà cũ của mẹ bà. Bà H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu được nhận phần đất này.

Ngoài ra, tại đơn phản tố, đơn phản tố bổ sung và tại phiên tòa sơ thẩm, bà H yêu cầu được nhận thừa kế của mẹ bà là thửa đất 455 là phần đất có mộ cha mẹ bà và thửa 456 tờ bản đồ số 03 (hiện ông Đ đã cầm cố cho Nguyễn Văn C và Lai Thị Bé O), cho bà H quản lý sử dụng để thờ cũng Liệt Sĩ.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và kết luận thẩm định giá bà H không có ý kiến gì.

** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tạo phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K trình bày:*

Ông Nguyễn Văn K là con của bà Nguyễn Thị C1 nhưng từ nhỏ bà C1 đi kháng chiến nên giao ông K cho ông Đ2 và bà H1 nuôi dưỡng và nhận làm con nuôi được thể hiện tại Sổ hộ khẩu của bà H1 tại cột ghi chú tên ông K là con út và

tại Đơn xin xác nhận con nuôi được chính quyền xác nhận.

Ông Nguyễn Văn Đ2 (chết ngày 06/01/1982) và bà Lê Thị H1 (chết ngày 29/8/2005) có với nhau 6 người con gồm: Nguyễn Văn Đ3 (chết năm 1973, không có vợ con), Nguyễn Thị C3, Nguyễn Văn K2 (chết năm 1974, không có vợ con), Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn K (là con nuôi).

Khi còn sống, ông Đ2 và bà H1 có tạo lập được tài sản là phần đất và căn nhà tình nghĩa bề ngang 5m, dài 10m; thuộc thửa 03 tờ bản đồ số 27 (nay là thửa số 03, tờ bản đồ số 27) tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ). Từ năm 1963, thì ông Đ2 và bà H1 sống chung với người con nuôi là ông K, đến năm 1987, bà H1 giao phần diện tích đất này cho ông K sử dụng cho đến sau khi bà H1 chết, bà H1 không để lại di chúc nhưng ông K vẫn tiếp tục quản lý sử dụng căn nhà và phần diện tích đất này, phụ trách việc thờ cúng ông bà. Đến khoảng năm 2012, ông K mua nhà ở đường N, không thường xuyên có mặt ở nhà nên vợ chồng bà Nguyễn Thị H - ông Trịnh Văn L vào nhà ở và chiếm luôn phần diện tích đất nêu trên nên giữa ông K và vợ chồng bà H - ông L phát sinh tranh chấp. Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu và Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã xác định phần nhà và diện tích đất nêu trên là di sản thừa kế của ông Đ2 và bà H1 chưa được chia.

Ông K thống nhất kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu vào ngày 30/12/2021 thì phần đất của cụ H1 tại thửa 711, tờ bản đồ 0 3(nay là thửa số 03, tờ bản đồ số 27) tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ), có diện tích 1.054,0m².

Ông K có phần đất ruộng khoảng 20 công ở phía sau phần đất của cha mẹ, phần đất của ông K không có lối đi, trước đây khi còn ở chung với bà H1 và khi chưa xảy ra tranh chấp với bà Nguyễn Thị H thì ông K xuống ruộng canh tác đi trên đất của bà H1 (hiện nay bà H đang quản lý). Kể từ khi tranh chấp với bà H thì bà H không cho ông K đi nên ông K không có đường vô ruộng, phải đi nhờ trên đất của người khác, nhưng cứ đến vụ trồng hành thì không có đường đi, do đất của người ta nên người ta trồng hành.

Nay, ông Nguyễn Văn K yêu cầu Tòa án giải quyết, chia di sản thừa kế của cha mẹ nuôi là ông Đ2 và bà H1 cho ông theo quy định pháp luật và xin nhận công chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ trên 40 năm, ông K xin được nhận đất để có lối đi xuống phần đất của ông ở phía sau.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thành L1 và bà Nguyễn*

Thị L2 có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết ông L1 và bà L2 trình bày: Ông L1 và bà L2 có đất giáp ranh với đất của gia đình ông Đ – bà H, đây là đất gốc của gia đình ông bà, giữa hai bên có trụ đá làm ranh từ trước đến nay không có tranh chấp. Do công việc gia đình nên ông L1 và bà L2 xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Lai Thị Bé O, ông Nguyễn Văn C, ông Trịnh Văn Đ1, ông Trịnh Văn T; những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị C1 là ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2: Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ và yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị H nhưng bà Lai Thị Bé O, ông Nguyễn Văn C, ông Trịnh Văn Đ1, ông Trịnh Văn T, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2 không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành triệu tập các đương sự nhưng bà Lai Thị Bé O, ông Nguyễn Văn C, ông Trịnh Văn Đ1, ông Trịnh Văn T, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2 cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho các đương sự được biết và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 14/5/2025; bà Lai Thị Bé O, ông Nguyễn Văn C, ông Trịnh Văn Đ1, ông Trịnh Văn T, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2 vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

** Tại Công văn số 960/CNVC ngày 22/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã V (Nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực XX) phúc đáp như sau:*

Qua kiểm tra tài liệu lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai: Hộ bà Lê Thị H1 được UBND huyện V (nay là thị xã V) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 900524, gồm các thửa đất:

- Thửa đất số 456, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.221m², loại đất Mùa.
- Thửa đất số 455, tờ bản đồ số 03, diện tích 993m², loại đất Mùa.
- Thửa đất số 412, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.386m², loại đất Mùa.
- Thửa đất số 439, tờ bản đồ số 03, diện tích 660m², loại đất T+LNK.
- Thửa đất số 711, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.060m, loại đất Mùa.
- Thửa đất số 402, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.575m², loại đất Mùa.

Theo bản đồ thuộc dự án tổng thể đo đạc, đăng ký thiết lập hồ sơ địa chính (bản đồ chính quy) được bàn giao năm 2021:

- Thửa đất số 456, tờ bản đồ số 03, bản đồ chính quy hiện nay là thửa đất số 10, tờ bản đồ số 27, diện tích 382,6m², loại đất BHK (đất trồng cây hàng năm khác) ghi tên bà Lê Thị H1, chưa đăng ký cấp đổi và thửa số 11, tờ bản đồ số 27, diện tích 312,1m², loại đất ONT+BHK ghi tên ông Võ Thành L1 và bà Nguyễn Thị L2.

- Thửa đất số 455, tờ bản đồ số 03, bản đồ chính quy hiện nay là thửa đất số 12, tờ bản đồ số 27, diện tích 1.052,5m², loại đất BHK (đất trồng cây hàng năm khác) ghi tên bà Lê Thị H1, chưa đăng ký cấp đổi.

Các thửa đất đã nêu trên thực tế do ai đang quản lý, sử dụng đề nghị Toà án phối hợp với UBND xã V xác minh thực tế hiện trạng.

** Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 19/11/2024 đối với bà Nguyễn Thị L3 trình bày*: Bà là cháu ruột kêu bà Lê Thị H1 bằng D, lúc còn sống bà H1 và chồng là ông Nguyễn Văn Đ2 có rất nhiều đất và có cho bà H khoảng 02ha đất nuôi tôm và 01 công đất rẫy gần nhà tình nghĩa (cặp ranh đất ông Đ). Ông Đ có bán cho con của bà H và con rể là Trần Kim L4 01 thửa đất từ lúc bà H1 còn sống để lấy tiền điều trị bệnh cho bà H1. Các thửa đất còn lại trừ căn nhà tình nghĩa bà H1 đã cho ông Đ từ khi còn sống trong đó có phần đất có 02 ngôi mộ của bà H1 và ông Đ2, phần căn nhà tình nghĩa từ khi bà H1 còn sống đã cho ông Đ và kêu con ông Đ về ở nhưng do bà H ở bên cạnh khó khăn hay mắng chửi nên con ông Đ không ở nữa, riêng ông Nguyễn Văn K đúng là do bà Nguyễn Thị Chuộng S, nhưng từ nhỏ ông K được ông Đ2 bà H1 nhận nuôi và ghi vào sổ hộ khẩu là con. Ông K ở chung với bà H1 ông Đ2 từ nhỏ đến lớn và lập gia đình tại căn nhà tình nghĩa của bà H1. Theo bà L3 được biết thì phần đất chia cho bà H là đất vuông và 01 công đất rẫy, phần còn lại là cho ông Đ.

** Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 19/11/2024 đối với ông Triệu Minh D1 trình bày:* Ông D1 có quan hệ bà con với ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H, kêu ông Nguyễn Văn Đ2 (chồng bà Lê Thị H1) bằng ông cậu. Nguồn gốc đất các thửa 402, 412, 439, 455, 456 và thửa 711 tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp H, xã V là của ông Nguyễn Văn Đ2 và bà Lê Thị H1, khi còn sống ông Đ2 và bà Hai S1 được 05 người con và 01 người con nuôi cụ thể Nguyễn Văn Đ3 hy sinh, bà Nguyễn Thị C1, Nguyễn Văn K2 hy sinh, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị H, riêng ông Nguyễn Văn K là cháu ngoại con bà C1 được ông Đ2

và bà H1 nhận làm con nuôi có tên trong hộ khẩu. Khi ông Đ2 và bà H1 còn sống có chia đất cho các con sử dụng như sau: thửa 402, 412, 439 bà Nguyễn Thị H sử dụng ổn định có cho con gái và con rể cất nhà trên đất, vì đất của ông D1 gần với đất bà Nguyễn Thị H đang sử dụng. Thửa 711 có căn nhà cũ của ông Đ2 và bà H1 khi còn sống sử dụng, lúc đó ông Nguyễn Văn K ở chung với ông Đ2 và bà H1, khi ông Đ2 và bà H1 chết thì bà H đuổi ông K không cho ở căn nhà này nữa nên ông K mới mua miếng đất giáp lộ Nam Sông Hậu cất nhà ở hiện nay. Hiện căn nhà gắn liền với thửa 711 của ông Đ2 và bà H1, bà Nguyễn Thị H đang quản lý sử dụng. Thửa 455 trên đất có 02 cái mộ xây gạch của ông Đ2 và bà H1, khi còn sống ông Đ2 và bà H1 đã chia cho ông Đ, do ông Đ ở Trần Đề nên ông Đ cho Nguyễn Văn K quản lý sử dụng; còn thửa đất 456 ông Đ2 và bà H1 chia cho bà Nguyễn Thị C1 sử dụng.

** Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 19/11/2024 đối với ông Nguyễn Văn N trình bày:* Ông N có bà con với bà Lê Thị H1, ông N kêu bà H1 là dì ruột. Khi ông Đ2 và bà H1 còn sống có nhiều thửa đất, ông N cũng không biết các thửa đất của ông Đ2 và bà H1 có chia cho con hay chưa. Thửa 711 có căn nhà của ông Đ2 và bà H1, đây là nhà tình nghĩa, khi ông Đ2 và bà H1 còn sống sử dụng. Sau này ông Đ2 và bà H1 chết thì căn nhà của ông Đ2 và bà H1 do bà H quản lý sử dụng. Riêng thửa 455 có 02 cái mộ của ông Đ2 bà H1, khi ông Đ2 và bà H1 còn sống không có chia thửa đất này cho người con nào vì thửa đất này làm nơi an táng ông Đ2 và bà H1. Phần ngoài nền mộ ai sử dụng thì người đó phải có trách nhiệm hương khói cho ông Đ2 và bà H1. Thửa 455 hiện nay con của ông Nguyễn Văn K sử dụng.

** Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 19/11/2024 đối với ông Huỳnh Ngọc M1 trình bày:* Thời điểm năm 1975 đến 1988 ông M1 làm trưởng ban ấp H, xã V đến năm 1988 ông M1 rút về công tác tại xã V, ông M1 cũng là cháu rể của bà H1. Về nguồn gốc đất trước đây ông Đ2 và bà H1 còn sống có chia cho ông Nguyễn Văn Đ thửa đất gần đất ông Triệu Minh D1, sau này ông Đ bán lại cho con bà Nguyễn Thị H cất nhà. Phần đất có 02 cái mộ của ông Đ2 và bà H1, ông Đ2 chia cho ông Nguyễn Văn Đ sử dụng, sau này ông Đ cho ông Nguyễn Văn K sử dụng. Phần bà Nguyễn Thị H trước đây có chồng sống tại ấp V, xã V, tuy nhiên cũng được ông Đ2 và bà H1 chia cho 2 ha đất vuông và 01 công đất rẫy giáp với thửa đất có căn nhà của ông Đ2 và bà H1, sau này ông Đ2 và bà H1 chết thì bà H

chiếm căn nhà của ông Đ2 và bà H1 ở cho đến nay, căn nhà này không có chia cho bà H.

** Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 19/11/2024 đối với bà Nguyễn Thị D2 trình bày:* Bà D2 là cháu ruột kêu bà Lê Thị H1 bằng dì ruột, nhà gần đất của ông Đ2 và bà H1, khi ông Đ2 và bà H1 còn sống có nhiều thửa đất. Ông Đ2 và bà H1 lớn tuổi bệnh nhiều nên ông Nguyễn Văn Đ có bán 01 thửa đất cho con bà Nguyễn Thị H cất nhà ở để trị bệnh cho ông Đ2 và bà H1. Căn nhà của ông Đ2 và bà H1 sau khi ông Đ2 và bà H1 chết căn nhà cho ông Đ quản lý sử dụng nhưng bà H tự ý chiếm căn nhà của ông Đ2 bà H1 ở cho đến nay. Thửa đất có hai cái mộ của ông Đ2 và bà H1 khi còn sống ông Đ2 và bà H1 chia cho ông Đ sử dụng, sau này ông Đ cho ông K sử dụng. Riêng bà Nguyễn Thị H được ông Đ2 và bà H1 chia cho 02ha đất vuông và 01 công đất rẫy giáp với phần đất có căn nhà của ông Đ2 và bà H1. Đối với ông Nguyễn Văn K là con của bà Nguyễn Thị C1 (cháu ngoại của ông Đ2 và bà H1) ông Đ2 và bà H1 xin làm con nuôi từ lúc nhỏ nuôi cho đến lớn có hộ khẩu làm con ông Đ2 và bà H1. Ông nguyễn Văn Đ đang thờ liệt sĩ tên Nguyễn Văn Đ3, còn bà Nguyễn Thị C1 thờ liệt sĩ Nguyễn Văn K2 (con của ông Đ2 và bà H1).

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Hồ Chí B có đơn xin vắng và gửi Luận cứ bảo vệ như sau*: Yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn Đ, chia thừa kế của ông Đ2 và bà H1 thành 4 kỷ phần cho ông Đ, bà H, con bà C1 và cho ông K (do ông K có công nuôi dưỡng ông Đ2 và bà H1); ông Đ xin nhận hiện vật, đồng ý trả giá trị cho hàng thừa kế khác. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Thị H xin nhận 2 thửa đất 455, 456 tờ bản đồ 03, tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ); 02 thửa đất này, cha mẹ đã cho ông Đ quản lý sử dụng từ trước khi ông bà qua đời, do đó yêu cầu của bà H không có căn cứ, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ phát biểu ý kiến tại phiên tòa:* Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trịnh Văn L, Nguyễn Văn K đã thực hiện đầy đủ quyền và

nghĩa vụ theo quy định pháp luật; Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Võ Thành L1, bà Nguyễn Thị L2 có yêu cầu vắng mặt; Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lai Thị Bé O, ông Nguyễn Văn C, ông Trịnh Văn Đ1, ông Trịnh Văn T; những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị C1 là ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2 vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người nêu trên theo quy định của pháp luật. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

Về nội dung giải quyết vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ và một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Thị H về tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

* Về hàng thừa kế:

Bà Lê Thị H1 (chết ngày 29/8/2005) có người chồng ông Nguyễn Văn Đ2 (chết ngày 06/01/1982), có 5 người con gồm: Nguyễn Văn Đ3 (chết năm 1973, không có vợ con), Nguyễn Thị C1 (bà C1 chết ngày 20/12/2021, chồng của bà C1 chết từ lâu và có 5 người con gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q), Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn K2 (chết năm 1974, không có vợ con), Nguyễn Thị H.

Ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Văn K cho rằng ông Nguyễn Văn K là con nuôi của bà Lê Thị H1 và ông Nguyễn Văn Đ2. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định của pháp luật thì ông K là con của bà Nguyễn Thị C1. Do đó, có căn cứ xác định ông Nguyễn Văn K không phải là con nuôi của bà Lê Thị H1 và ông Nguyễn Văn Đ2.

Từ đó, xác định hàng thừa kế của bà Lê Thị H1 và ông Nguyễn Văn Đ2 là: Nguyễn Văn Đ3 (chết năm 1973, không có vợ con), Nguyễn Thị C1 (bà C1 chết ngày 20/12/2021, chồng của bà C1 chết từ lâu và có 5 người con gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q), Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn K2 (chết năm 1974, không có vợ con), Nguyễn Thị H.

* Về di sản thừa kế:

- Thửa 711 tờ bản đồ 03 (nay là thửa số 03, tờ bản đồ số 27) có diện tích 1.054m^2 tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Lê Thị H1).

- Thửa 456 tờ bản đồ 03 (nay là thửa 10 tờ bản đồ số 27) có diện tích 382,6m^2 tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Lê Thị H1);

Tổng di sản của bà Lê Thị H1 và ông Nguyễn Văn Đ2 là 425.608.800đ (bốn trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm lẻ tám nghìn tám trăm đồng).

Riêng thửa 455 tờ bản đồ 03 (nay là thửa 12 tờ bản đồ số 27) có diện tích 1.052,5m^2 tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Lê Thị H1). Trên đất có 02 ngôi mộ xi măng của cụ H1, cụ Đ2 và 01 ngôi mộ đất người em cụ Đ2. Do các bên thống nhất làm đất nghĩa trang gia đình nên đề nghị giao cho hàng thừa kế của bà H1 và ông Đ2 quản lý, không chia thừa kế. Cụ thể là giao cho ông Nguyễn Văn Đ quản lý dùng vào việc thờ cúng và làm nghĩa trang gia đình.

Do ông Nguyễn Văn Đ3 và Nguyễn Văn K2 chết không có vợ con, nên chia cho 3 kỷ phần còn lại, mỗi kỷ phần tương đương 141.869.600đ (một trăm bốn mươi mốt triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

* Chia di sản thừa kế bằng hiện vật như sau:

1. Giao cho bà Nguyễn Thị H phần đất có diện tích 527m^2 thuộc thửa 711 tờ bản đồ số 03 (nay là thửa 03 tờ bản đồ số 27) tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ bà Lê Thị H1 đứng tên; phần đất có căn nhà của bà Nguyễn Thị H.

* Giá trị tài sản theo Kết luận thẩm định giá tài sản là: Giá trị đất màu có đơn giá 292.000 đồng/m^2 x 527m^2 = 153.884.000đ (một trăm năm mươi ba triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Mỗi kỷ phần là 141.869.600đ (một trăm bốn mươi mốt triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng), bà H được nhận tổng giá trị là 153.884.000đ (một trăm năm mươi ba triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng); Do đó bà H dư số tiền là 12.014.400đ (mười hai triệu không trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng).

2. Giao cho hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị C1 (do bà C1 chết) gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q phần đất có diện tích diện tích 527m^2 thuộc thửa 711 tờ

bản đồ số 03 (nay là thửa 03 tờ bản đồ số 27) tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ bà Lê Thị H1 đứng tên; phần đất trống.

* Giá trị tài sản theo Kết luận thẩm định giá tài sản là: Giá trị đất màu có đơn giá 292.000 đồng/m^2 x 527m^2 = 153.884.000đ (một trăm năm mươi ba triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Mỗi kỷ phần là 141.869.600đ (một trăm bốn mươi mốt triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng), hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q được nhận tổng giá trị là 153.884.000đ (một trăm năm mươi ba triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng); Do đó hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q dư số tiền là 12.014.400đ (mười hai triệu không trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng).

3. Giao cho ông Nguyễn Văn Đ phần đất thửa 456 tờ bản đồ 03 (nay là thửa 10 tờ bản đồ số 27) có diện tích 382,6m^2 tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ bà Lê Thị H1 đứng tên;

* Giá trị tài sản theo Kết luận thẩm định giá tài sản là: Giá trị đất màu có đơn giá có giá là 308.000đồng/m2 = 117.840.800đ (một trăm mười bảy triệu tám trăm bốn mươi nghìn tám trăm đồng).

Mỗi kỷ phần là 141.869.600đ (một trăm bốn mươi mốt triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng), ông Đ được nhận 1 kỷ phần; phần tài ông Đ được nhận còn thiếu so với kỷ phần mình được nhận với số tiền là 24.028.800đ (hai mươi bốn triệu không trăm hai mươi tám nghìn tám trăm đồng).

Đối với kỷ phần giao cho hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q hiện do bà H và gia đình bà H là ông Trịnh Văn L, ông Trịnh Văn Đ1 và Trịnh Văn T đang quản lý. Do đó, buộc bà Nguyễn Thị H, ông Trịnh Văn L, ông Trịnh Văn Đ1 và ông Trịnh Văn T phải giao cho hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q phần đất có diện tích, vị trí tứ cận như nêu trên.

Do phần tài sản bà H và hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 dư là 12.014.400đ (mười hai triệu không trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng). Trong khi đó, ông Đ

được nhận còn thiếu so với kỷ phần mình được nhận với số tiền là 24.028.800đ (hai mươi bốn triệu không trăm hai mươi tám nghìn tám trăm đồng). Do đó:

- Buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền là 12.014.400đ (mười hai triệu không trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng).

- Buộc hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền là 12.014.400đ (mười hai triệu không trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án, bà Nguyễn Thị H và hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn Đ về việc chia cho ông Nguyễn Văn K 01 kỷ phần công chăm sóc nuôi dưỡng ông Đ2 và bà H1.

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Thị H về việc xin nhận 02 thửa đất 455, 456 tờ bản đồ số 03 tọa lạc ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Lê Thị H1).

Về chi phí thẩm định, định giá và án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn và đối tượng tranh chấp là quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ) thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thành L1, bà Nguyễn Thị L2 có yêu cầu

vắng mặt; Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lai Thị Bé O, ông Nguyễn Văn C, ông Trịnh Văn Đ1, ông Trịnh Văn T; những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị C1 là ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2 vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, những người có mặt yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt những người nêu trên.

[3] Về thời hiệu khởi kiện và người thừa kế: Bà Lê Thị H1 (chết ngày 29/8/2005); ông Nguyễn Văn Đ nộp đơn khởi kiện ngày 21/7/2020 về tranh chấp chia di sản thừa kế là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật Dân sự

[4] Về thời điểm mở thừa kế: Xét thấy lời khai của các đương sự thì bà Lê Thị H1 (chết ngày 29/8/2005) không để lại di chúc. Vì vậy phải chia di sản thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Văn Đ theo quy định pháp luật tại các điều 649, 650 và 651 bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về hàng thừa kế:

Bà Lê Thị H1 (chết ngày 29/8/2005) có người chồng ông Nguyễn Văn Đ2 (chết ngày 06/01/1982), có 5 người con gồm: Nguyễn Văn Đ3 (chết năm 1973, không có vợ con), Nguyễn Thị C1 (bà C1 chết ngày 20/12/2021, chồng của bà C1 chết từ lâu và có 5 người con gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q), Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn K2 (chết năm 1974, không có vợ con), Nguyễn Thị H.

Tại đơn khởi kiện của ông Đ cũng như lời trình bày của ông Nguyễn Văn K cho rằng ông Nguyễn Văn K là con nuôi của bà Lê Thị H1 và ông Nguyễn Văn Đ2 căn cứ vào "Đơn yêu cầu xác nhận con nuôi đề ngày 05/7/2020" có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã V cũng như căn cứ vào Sổ hộ khẩu của bà Lê Thị H1 có ghi tên ông Nguyễn Văn K tại cột quan hệ với Chủ hộ là "con". Tuy nhiên, theo lời trình bày của các bên và lời thừa nhận của ông K thì ông Nguyễn Văn K là con ruột của bà Nguyễn Thị C1 (bà C1 là con của bà H1 và ông Đ2), tại Bản khai nhân khẩu của ông Nguyễn Văn K do Tòa án thu thập được từ Công an thị xã V thì ông Nguyễn Văn K có cha là ông Nguyễn Văn T1, mẹ là bà Nguyễn Thị C1; đồng thời Bản khai nhân khẩu của bà Lê Thị H1 do Tòa án thu thập được từ Công an thị xã V thì tất cả những người có trong hộ khẩu của bà H1 gồm vợ và các con của ông Nguyễn Văn K tại cột quan hệ với chủ hộ đều được ghi là "con". Đồng thời, theo quy định của pháp luật thì những hành vi sau đây bị cấm "*Ông, bà nhận cháu làm con nuôi hoặc anh, chị, em nhận nhau làm con nuôi*". Do đó,

có căn cứ xác định ông Nguyễn Văn K không phải là con nuôi của bà Lê Thị H1 và ông Nguyễn Văn Đ2.

[6] Về di sản thừa kế:

Căn cứ theo lời trình bày của đương sự và hồ sơ vụ án thì di sản thừa kế gồm phần đất tại các thửa như sau:

- Thửa 711 tờ bản đồ 03 (nay là thửa 03 tờ bản đồ số 27) có diện tích 1.054m^2 tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Lê Thị H1).

Trên đất có 01 căn nhà của bà Nguyễn Thị H được xây dựng lại hoàn toàn trên nền nhà cũ của bà Lê Thị H1 (trước đây là Nhà tình nghĩa)

- Thửa 455 tờ bản đồ 03 (nay là thửa 12 tờ bản đồ số 27) có diện tích 1.052,5m^2 tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Lê Thị H1). Trên đất có 02 ngôi mộ xi măng của bà H1, ông Đ2 và 01 ngôi mộ đất người em cụ Đ2.

- Thửa 456 tờ bản đồ 03 (nay là thửa 10 tờ bản đồ số 27) có diện tích 382,6m^2 tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Lê Thị H1);

[6.1] Về nguồn gốc thửa đất: Căn cứ lời trình bày của các đương sự và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì phần đất tại các thửa 711, 455, 456 tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng là của bà Lê Thị H1 và ông Nguyễn Văn Đ2; đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị H1.

Tuy nhiên theo hồ sơ quản lý địa chính, lời trình bày của các đương sự và văn bản xác minh của Tòa án thì thửa đất 456 khi nhà nước đo đạc chính quy thì có 2 thửa là thửa số 10 và thửa 11 tờ bản đồ số 27. Trong khi đó thửa số 10 tờ bản đồ 27 là của bà Lê Thị H1; riêng thửa 11 tờ bản đồ số 27 là của ông Võ Thành L1 và bà Nguyễn Thị L2. Các đương sự đều thừa nhận thửa 11 là của ông L1 – bà L2, đây là đất của ông bà và từ trước đến nay đều có trụ đá làm ranh, các bên đều không có tranh chấp hay mua bán qua lại gì.

Từ các căn cứ nêu trên, có cơ sở khẳng định, phần đất tại thửa 11 tờ bản đồ số 27 (theo bản đồ chính quy) không phải là di sản của bà H1 và ông Đ2.

Các thửa đất còn lại là thửa 711 tờ bản đồ số 03 (nay là thửa 03 tờ bản đồ số 27), thửa 455 tờ bản đồ 03 (nay là thửa 12 tờ bản đồ số 27 chính quy) và thửa 456 tờ bản đồ 03 (nay là thửa 10 tờ bản đồ số 27 chính quy) tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ); là di sản thừa kế

của bà H1 và ông Đ2.

[6.2] Quá trình sử dụng đất: Theo lời trình bày của các đương sự và hiện trạng thực tế khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và xác minh như sau:

1. Phần đất bà Nguyễn Thị H đang quản lý sử dụng có diện tích 1.054m^2 thuộc thửa 711 tờ bản đồ số 03 (nay là thửa 03 tờ bản đồ số 27) tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Lê Thị H1). Trên đất có 01 căn nhà của bà Nguyễn Thị H được xây dựng lại hoàn toàn trên nền nhà cũ của bà Lê Thị H1 (trước đây là Nhà tình nghĩa).

2. Thửa 455 tờ bản đồ 03 (nay là thửa 12 tờ bản đồ số 27) có diện tích 1.052,5m^2 tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Lê Thị H1). Trên đất có 02 ngôi mộ xi măng của bà H1, ông Đ2 và 01 ngôi mộ đất người em ông Đ2.

3. Thửa 456 tờ bản đồ 03 (nay là thửa 10 tờ bản đồ số 27) có diện tích 382,6m^2 tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Lê Thị H1).

Thửa đất 455 và 456 hiện nay do ông Nguyễn Văn Đ quản lý nhưng theo như ông Đ và ông K trình bày thì phần đất này ông Đ cầm cố cho ông Nguyễn Văn C – bà Lai Thị Bé O với giá 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), nhưng hiện nay ông C – bà O giao cho ông Nguyễn Văn K quản lý sử dụng thay. Việc cầm cố này, ông Đ, ông C – bà O không có ý kiến và cũng không ai có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp đối với việc cầm cố này thì có thể yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

* Giá trị tài sản theo Kết luận thẩm định giá tài sản là:

- Giá trị đất màu của thửa 711 tờ bản đồ số 03 (nay là thửa 03 tờ bản đồ số 27) có diện tích 1.054m^2 tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Lê Thị H1; có giá là 292.000đồng/m^2 = 307.768.000đ (ba trăm lẻ bảy triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

- Tài sản trên đất: Công trình trên đất là nhà của bà Nguyễn Thị H do các đương sự đều thống nhất đây là nhà của bà H tự xây dựng lại nên không phải là di sản thừa kế của bà H1 và ông Đ2.

- Giá trị đất BHK của thửa 455 tờ bản đồ 03 (nay là thửa 12 tờ bản đồ số 27) có diện tích 1.052,5m^2 tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Lê Thị H1; có giá là 295.000đồng/m^2 = 310.487.500đ (ba trăm mười triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

- Giá trị đất BHK của thửa 456 tờ bản đồ 03 (nay là thửa 10 tờ bản đồ số 27) có diện tích 382,6m^2 tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Lê Thị H1; có giá là 308.000đồng/m^2 = 117.840.800đ (một trăm mười bảy triệu tám trăm bốn mươi nghìn tám trăm đồng).

Các phần đất này, hiện nay do bà H, ông Đ, ông K cùng quản lý sử dụng. Tuy nhiên, các bên đều thống nhất đây là tài sản của bà H1 và ông Đ2 hiện do bà Lê Thị H1 đứng tên quyền sử dụng đất. Do đó, nguyên đơn khởi kiện và bị đơn phản tố yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với di sản do bà Lê Thị H1 và ông Nguyễn Văn Đ2 để lại là có căn cứ chấp nhận một phần.

[6.3] Về giá trị tài sản tranh chấp:

Thửa 455 tờ bản đồ 03 (nay là thửa 12 tờ bản đồ số 27) có diện tích 1.052,5m^2 tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Lê Thị H1. Trên đất có 02 ngôi mộ xi măng của bà H1, ông Đ2 và 01 ngôi mộ đất người em ông Đ2. Theo lời trình bày của ông Đ và bà H thì cả hai bên đều thống nhất dùng phần đất này làm khu mộ gia đình và để dùng vào mục đích thờ cúng ông bà. Đồng thời, căn cứ vào Biên bản xác minh của người làm chứng đối với phần đất này thì trước đây khi bà H1 còn sống, có ý định để lại khu đất này dùng làm khu mộ và việc thờ cúng. Do đó, mặc dù, bà H1 không để lại di chúc thể hiện việc này nhưng ông Đ và bà H đều không có ý kiến gì đối với vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết chia thừa kế đối với phần đất này mà để giao cho gia đình quản lý dùng vào việc làm Khu mộ và thờ cúng. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cho một trong hai người con của ông Đ2 và bà H1 quản lý là có căn cứ và thống nhất giao cho ông Nguyễn Văn Đ quản lý phần đất này làm Khu mộ và thờ cúng.

Do đó, giá trị tài sản di sản trong tổng diện tích của hai thửa đất còn lại là 425.608.800đ (bốn trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm lẻ tám nghìn tám trăm đồng) gồm cụ thể của hai thửa đất sau:

- Giá trị đất màu của thửa 711 tờ bản đồ số 03 (nay là thửa 03 tờ bản đồ số 27) có diện tích 1.054m^2 tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ) có giá là 292.000đồng/m^2 = 307.768.000đ (ba trăm lẻ bảy triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

- Giá trị đất BHK của thửa 456 tờ bản đồ 03 (nay là thửa 10 tờ bản đồ số 27) có diện tích 382,6m^2 tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ) có giá là 308.000đồng/m^2 = 117.840.800đ (một trăm mười bảy triệu tám trăm bốn mươi nghìn tám trăm đồng).

Do ông Nguyễn Văn Đ3 (chết năm 1973, không có vợ con), ông Nguyễn Văn K2 (chết năm 1974, không có vợ con) nên hàng thừa kế của bà H1 và ông Đ2 gồm: ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị C1 (bà chuộng chết nên các con của bà C1 gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q sẽ đồng thừa kế của bà C1, nhận phần di sản của bà C1 từ bà H1 và ông Đ2). Do đó, chia di sản của bà H1 và ông Đ2 có giá trị như trên thành 3 kỷ phần, mỗi kỷ phần tương đương 141.869.600đ (một trăm bốn mươi mốt triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn K cho rằng ông có công nuôi dưỡng ông Đ2 và bà H1 trên 40 năm. Tuy nhiên, ông Đ2 chết năm 1982 khi đó ông K mới 19 tuổi, và tại vụ án trước theo Bản án số 02/2020 ngày 10/02/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu và Bản án số 62/2020 ngày 15/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thì lời trình bày của ông K là "Đến năm 1990, ông có mua đất và cất nhà tại lộ N nên ông cho người anh tên Nguyễn Văn Đ mượn căn nhà hương hỏa...". Do đó, việc ông K yêu cầu công chăm sóc nuôi dưỡng là không có căn cứ chấp nhận.

Riêng đối với căn nhà hiện bà H đang sống, do vợ chồng bà H – ông Trịnh Văn L tự xây mới trên nền nhà tình nghĩa, xác nhà tình nghĩa không còn nên đây không phải là di sản.

[6.4] Về việc phân chia di sản thừa kế bằng hiện vật:

Do trên phần đất tại thửa 711 tờ bản đồ số 03 (nay là thửa 03 tờ bản đồ số 27) tọa lạc ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ có căn nhà của vợ chồng bà H – ông L nằm thuộc về hướng Tây thửa đất, diện tích đất đủ điều kiện tách thửa theo quy định pháp luật và căn cứ nhu cầu sử dụng của các đương sự nên Hội đồng xét xử chia thừa kế cho các hàng thừa kế theo hiện vật.

Trường hợp quy ra giá trị cao hơn phải hoàn lại cho người nhận hiện vật có giá trị thấp hơn.

Theo đó:

1. Giao cho bà Nguyễn Thị H phần đất có diện tích 527m^2 thuộc thửa 711 tờ bản đồ số 03 (nay là thửa 03 tờ bản đồ số 27) tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ bà Lê Thị H1 đứng tên; vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất còn lại của thửa 711.
- Hướng Tây giáp đất ông Thái Văn Í và đất ông Võ Văn K3.
- Hướng Nam giáp Lộ Đ4.
- Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn K .

Trên phần đất có tồn tại căn nhà của bà Nguyễn Thị H.

* Giá trị tài sản theo Kết luận thẩm định giá tài sản là:

- Giá trị đất màu có đơn giá 292.000đồng/m^2 x 527m^2 = 153.884.000đ (một trăm năm mươi ba triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Mỗi kỷ phần là 141.869.600đ (một trăm bốn mươi mốt triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng), bà H được nhận tổng giá trị là 153.884.000đ (một trăm năm mươi ba triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng); Do đó bà H dư số tiền là 12.014.400đ (mười hai triệu không trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng).

2. Giao cho hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị C1 gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q phần đất có diện tích diện tích 527m^2 thuộc thửa 711 tờ bản đồ số 03 (nay là thửa 03 tờ bản đồ số 27) tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ bà Lê Thị H1 đứng tên; vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Bùi Văn N1.
- Hướng Tây giáp phần đất còn lại tại thửa 711.
- Hướng Nam giáp Lộ Đ4.
- Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn K .

Trên đất không có tài sản.

* Giá trị tài sản theo Kết luận thẩm định giá tài sản là:

- Giá trị đất màu có đơn giá 292.000đồng/m^2 x 527m^2 = 153.884.000đ (một trăm năm mươi ba triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Mỗi kỷ phần là 141.869.600đ (một trăm bốn mươi mốt triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng), hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q được nhận tổng giá trị là 153.884.000đ (một trăm năm mươi ba triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng); Do đó hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q dư số tiền là 12.014.400đ (mười hai triệu không trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng).

3. Giao cho ông Nguyễn Văn Đ phần đất thửa 456 tờ bản đồ 03 (nay là thửa 10 tờ bản đồ số 27) có diện tích 382,6m^2 tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ bà Lê Thị H1 đứng tên;

* Giá trị tài sản theo Kết luận thẩm định giá tài sản là: Giá trị đất BHK có đơn giá có giá là 308.000đồng/m2 = 117.840.800đ (một trăm mười bảy triệu tám trăm bốn mươi nghìn tám trăm đồng).

Mỗi kỷ phần là 141.869.600đ (một trăm bốn mươi mốt triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng), ông Đ được nhận 1 kỷ phần; phần tài ông Đ được nhận còn thiếu so với kỷ phần mình được nhận với số tiền là 24.028.800đ (hai mươi bốn triệu không trăm hai mươi tám nghìn tám trăm đồng).

Đối với kỷ phần giao cho hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q hiện do bà H và gia đình bà H là ông Trịnh Văn L, ông Trịnh Văn Đ1 và Trịnh Văn T đang quản lý. Do đó, buộc bà Nguyễn Thị H, ông Trịnh Văn L, ông Trịnh Văn Đ1 và Trịnh Văn T phải giao cho hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q phần đất có diện tích, vị trí tứ cận như nêu trên.

Do phần tài sản bà H và hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 dư là 12.014.400đ (mười hai triệu không trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng). Trong khi đó, ông Đ được nhận còn thiếu so với kỷ phần mình được nhận với số tiền là 24.028.800đ (hai mươi bốn triệu không trăm hai mươi tám nghìn tám trăm đồng). Do đó:

- Buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền là 12.014.400đ (mười hai triệu không trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng).

- Buộc hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q có trách

nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền là 12.014.400đ (mười hai triệu không trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án, bà Nguyễn Thị H và hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn Đ về việc chia cho ông Nguyễn Văn K 01 kỷ phần công chăm sóc nuôi dưỡng ông Đ2 và bà H1.

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Thị H về việc xin nhận 02 thửa đất 455, 456 tờ bản đồ số 03 tọa lạc ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Lê Thị H1).

[7] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định và thẩm định giá tài sản là 9.054.880đ (chín triệu không trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi đồng), do ông Nguyễn Văn Đ nộp tạm ứng là 5.054.880đ (năm triệu không trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi đồng) và bà H nộp tạm ứng là 4.000.000đ (bốn triệu đồng); các đương sự yêu cầu giải quyết theo quy định. Do vụ án chia thừa kế theo pháp luật nên những người được hưởng thừa kế phải chịu chi phí tương ứng; Theo đó, 3 kỷ phần thừa kế, mỗi kỷ phần sẽ chịu là 3.018.294đ (ba triệu không trăm mười tám nghìn hai trăm chín mươi bốn đồng). Buộc hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền là 2.036.586đ (hai triệu không trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng) và trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 981.706đ (chín trăm tám mươi mốt nghìn bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng).

[8] Về án phí sơ thẩm: Buộc những người hưởng thừa kế phải chịu án phí trên phần di sản được hưởng theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV. Tuy nhiên, do ông ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí; nên miễn án phí được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

[9] Toàn bộ Luận cứ bảo vệ và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận một phần như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần luận cứ bảo vệ của Luật sư.

[10] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 609, 611, 612, Điều 613, 623, 649, 650, 651 và 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản điểm a khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn Đ và yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị H về tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất.

* Về hàng thừa kế:

Bà Lê Thị H1 (chết ngày 29/8/2005) có người chồng ông Nguyễn Văn Đ2 (chết ngày 06/01/1982), có 5 người con gồm: Nguyễn Văn Đ3 (chết năm 1973, không có vợ con), Nguyễn Thị C1 (bà C1 chết ngày 20/12/2021, chồng của bà C1 chết từ lâu và có 5 người con gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q), Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn K2 (chết năm 1974, không có vợ con), Nguyễn Thị H).

* Về di sản thừa kế:

- Phần đất bà Nguyễn Thị H đang quản lý sử dụng có diện tích 1.054m^2 thuộc thửa 711 tờ bản đồ số 03 (nay là thửa 03 tờ bản đồ số 27) tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ); giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Lê Thị H1.

- Thửa 456 tờ bản đồ 03 (nay là thửa 10 tờ bản đồ số 27) có diện tích 382,6m^2 tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Lê Thị H1).

Giá trị tài sản di sản trong tổng diện tích của hai thửa đất là 425.608.800đ (bốn trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm lẻ tám nghìn tám trăm đồng) cụ thể của như sau:

- Giá trị đất màu của thửa 711 tờ bản đồ số 03 (nay là thửa 03 tờ bản đồ số 27) có diện tích 1.054m^2 tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ) có giá là 292.000đồng/m^2 = 307.768.000đ (ba trăm lẻ bảy triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

- Giá trị đất BHK của thửa 456 tờ bản đồ 03 (nay là thửa 10 tờ bản đồ số 27) có diện tích 382,6m^2 tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ) có giá là 308.000đồng/m^2 = 117.840.800đ (một trăm mười bảy triệu tám trăm bốn mươi nghìn tám trăm đồng).

Chia di sản của bà H1 và ông Đ2 có giá trị như trên thành 3 kỷ phần, mỗi kỷ phần tương đương 141.869.600đ (một trăm bốn mươi mốt triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

* Chia di sản thừa kế bằng hiện vật như sau:

1. Giao cho bà Nguyễn Thị H phần đất có diện tích 527m^2 thuộc thửa 711 tờ bản đồ số 03 (nay là thửa 03 tờ bản đồ số 27) tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ bà Lê Thị H1 đứng tên; vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất còn lại của thửa 711.
- Hướng Tây giáp đất ông Thái Văn Í và đất ông Võ Văn K3.
- Hướng Nam giáp Lộ Đ4.
- Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn K .

Trên phần đất có tồn tại căn nhà của bà Nguyễn Thị H.

* Giá trị tài sản theo Kết luận thẩm định giá tài sản là:

- Giá trị đất màu có đơn giá 292.000đồng/m^2 x 527m^2 = 153.884.000đ (một trăm năm mươi ba triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Mỗi kỷ phần là 141.869.600đ (một trăm bốn mươi mốt triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng), bà H được nhận tổng giá trị là 153.884.000đ (một trăm năm mươi ba triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng); Do đó bà H

dư số tiền là 12.014.400đ (mười hai triệu không trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng).

2. Giao cho hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị C1 gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q phần đất có diện tích diện tích 527m^2 thuộc thửa 711 tờ bản đồ số 03 (nay là thửa 03 tờ bản đồ số 27) tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ bà Lê Thị H1 đứng tên; vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Bùi Văn N1.
- Hướng Tây giáp phần đất còn lại tại thửa 711.
- Hướng Nam giáp Lộ Đ4.
- Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn K .

Trên đất không có tài sản.

* Giá trị tài sản theo Kết luận thẩm định giá tài sản là:

- Giá trị đất màu có đơn giá 292.000đồng/m^2 x 527m^2 = 153.884.000đ (một trăm năm mươi ba triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Mỗi kỷ phần là 141.869.600đ (một trăm bốn mươi mốt triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng), hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q được nhận tổng giá trị là 153.884.000đ (một trăm năm mươi ba triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng); Do đó hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q dư số tiền là 12.014.400đ (mười hai triệu không trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng).

3. Giao cho ông Nguyễn Văn Đ phần đất thửa 456 tờ bản đồ 03 (nay là thửa 10 tờ bản đồ số 27) có diện tích 382,6m^2 tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ bà Lê Thị H1 đứng tên;

* Giá trị tài sản theo Kết luận thẩm định giá tài sản là: Giá trị đất BHK có đơn giá có giá là 308.000đồng/m2 = 117.840.800đ (một trăm mười bảy triệu tám trăm bốn mươi nghìn tám trăm đồng).

Mỗi kỷ phần là 141.869.600đ (một trăm bốn mươi mốt triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng), ông Đ được nhận 1 kỷ phần; phần tài ông Đ

được nhận còn thiếu so với kỷ phần mình được nhận với số tiền là 24.028.800đ (hai mươi bốn triệu không trăm hai mươi tám nghìn tám trăm đồng).

Đối với kỷ phần giao cho hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q hiện do bà H và gia đình bà H là ông Trịnh Văn L, ông Trịnh Văn Đ1 và Trịnh Văn T đang quản lý. Do đó, buộc bà Nguyễn Thị H, ông Trịnh Văn L, ông Trịnh Văn Đ1 và Trịnh Văn T phải giao cho hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q phần đất có diện tích, vị trí tứ cận như nêu trên.

Do phần tài sản bà H và hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 dư là 12.014.400đ (mười hai triệu không trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng). Trong khi đó, ông Đ được nhận còn thiếu so với kỷ phần mình được nhận với số tiền là 24.028.800đ (hai mươi bốn triệu không trăm hai mươi tám nghìn tám trăm đồng). Do đó:

- Buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền là 12.014.400đ (mười hai triệu không trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng).

- Buộc hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền là 12.014.400đ (mười hai triệu không trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án, bà Nguyễn Thị H và hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn Đ về việc chia cho ông Nguyễn Văn K 01 kỷ phần công chăm sóc nuôi dưỡng ông Đ2 và bà H1.

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Thị H về việc xin nhận 02 thửa đất 455, 456 tờ bản đồ số 03 tọa lạc ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Lê Thị H1).

* Giao cho ông Nguyễn Văn Đ quản lý đối với phần đất tại thửa 455 tờ bản đồ 03 (nay là thửa 12 tờ bản đồ số 27) có diện tích 1.052,5m^2 tọa lạc tại ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ) giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cấp cho cụ Lê Thị H1) Trên đất có 02 ngôi mộ xi măng của cụ H1, cụ Đ2 và 01 ngôi mộ đất người em cụ Đ2 vào việc làm khu mộ gia đình và thờ cúng.

(Có sơ đồ kèm theo)

2/. Chi phí xem xét thẩm định và thẩm định giá tài sản là 9.054.880đ (chín triệu không trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi đồng), do ông Nguyễn Văn Đ nộp tạm ứng là 5.054.880đ (năm triệu không trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi đồng) và bà H nộp tạm ứng là 4.000.000đ (bốn triệu đồng); các đương sự yêu cầu giải quyết theo quy định. Do vụ án chia thừa kế theo pháp luật nên những người được hưởng thừa kế phải chịu chi phí tương ứng; Theo đó, 3 kỷ phần thừa kế, mỗi kỷ phần sẽ chịu là 3.018.294đ (ba triệu không trăm mười tám nghìn hai trăm chín mươi bốn đồng). Buộc hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền là 2.036.586đ (hai triệu không trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng) và trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 981.706đ (chín trăm tám mươi mốt nghìn bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng).

3/. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên phần được nhận là 7.093.480đ (bảy triệu không trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi đồng). Tuy nhiên, do ông Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí.

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên phần được nhận là 7.093.480đ (bảy triệu không trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi đồng). Tuy nhiên, do bà H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí.

- Hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị C1 gồm ông Nguyễn Văn K, ông Thái Văn K1, ông Thái Văn C2, bà Thái Thị Kim Q1, bà Thái Thị Kim Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên phần được nhận là 7.093.480đ (bảy triệu không trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi đồng).

4/. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tòa tuyên án; Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày,

kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Đương sự;
-VKS Khu vực 8 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 8 – Cần Thơ;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hiếu